

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa L.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn H;

Ông: Nguyễn Phát T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh V là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05/3/2019 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 231A/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Tú L, sinh năm 1992. (có mặt).

Địa chỉ: 1069A, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1069A, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Tú L trình bày: Vào năm 2012 chị L và anh N tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND L, huyện L, tỉnh Đ ngày 27/7/2012. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và anh N không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh N

thường xuyên uống rượu kiếm chuyện ghen và chửi, đánh chị L nhiều lần. Do đó, chị L nhận thấy tình cảm không còn với anh N nên chị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 31/10/2015. Chị L yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Tại tờ tường trình ngày 05/3/2019 Nguyễn Thị A có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Về tài sản chung: Không có, chị L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có.

- Tại biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 anh Nguyễn Văn N trình bày: Tình trạng hôn nhân giống như chị L trình bày. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn anh N đồng ý ly hôn.

Về con chung đúng như chị L trình bày, anh N đồng ý cho chị L nuôi hai con chung, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, anh N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Các lời trình bày của anh N tại biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 được anh N công nhận là đúng nhưng anh N bỏ về không ký tên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Tú L và anh Nguyễn Văn N tổ chức đám cưới vào năm 2012 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định là ngày 27/7/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không chăm sóc lẫn nhau, anh N còn nhiều lần đánh đập chị L. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân

không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn, còn đối với anh N qua yêu cầu của chị L anh N đồng ý ly hôn tại biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 nhưng anh N không chịu ký tên mà bỏ về nên Tòa án đã ra quyết định xét xử theo quy định. Tuy nhiên, hai lần Tòa án tổng đạt hợp lệ để triệu tập anh N đến xét xử nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy anh N đã từ bỏ cuộc hôn nhân với chị L. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N là trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt nên thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị Tú L là có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị L yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị A và Nguyễn Trọng H, xét yêu cầu này của chị L cũng được anh N đồng ý và hơn nữa khi ly hôn Nguyễn Thị A trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống với chị L theo tờ tường trình ngày 05/3/2019 nên giao con Nguyễn Thị A cho chị L nuôi là đúng quy định, còn Nguyễn Trọng H, sinh ngày 31/10/2015 còn nhỏ chưa đủ 7 tuổi cần sự chăm sóc của chị L. Để cho hai con được phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần nên cần giao con còn lại là Nguyễn Trọng H cho chị L nuôi là phù hợp với thực tế và không trái quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai con Nguyễn Thị A và Nguyễn Trọng H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có, chị L không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Không có, Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Tú L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tú L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Trần Thị Tú L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 02/7/2012 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 31/10/2015. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Tú L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Trần Thị Tú L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Trần Thị Tú L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0008534, ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa L